**Bài 48: ôm, ôp ( 2 tiết )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nhận biết các vần **êm, êp;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **êm, êp.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **êm,** vần **êp;** hoàn thành trò chơi hái táo xếp vào hai rổ vần **êm, êp.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Lúa nếp, lúa tẻ.*
* Viết đúng các vần **êm, êp** và các tiếng **đêm, bếp** (lửa) (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A/KHỞI ĐỘNG:**  -HS đọc bài Tập đọc *Lừa và ngựa* | - Hs đọc bài | |
| **B/DẠY BÀI MỚI**   1. **Giới thiệu bài:** vần **ôm,** vần **ôp.** |  | |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  | |
| * 1. Dạy vần **ôm** * HS đọc từng chữ **ô - mờ - ôm. /** Phân tích vần **ôm. /** Đánh vần: **ô - mờ - ôm / ôm.** * Cho HS nhìn hình, hỏi: Trnh vẽ con gì? * HS nói: *tôm.* / Phân tích tiếng **tôm. /** Đánh vần: tờ - ôm - tôm */* tôm. Đánh vần, đọc trơn lại: ô - mờ - ôm / tờ - ôm - tôm / tôm.   1. Dạy vần **ôp** (như vần **ôm)** * Phân tích vần **ôp. /** Đánh vần: **ô - pờ - ôp. /** Đánh vần: hờ - ôp - hôp - nặng - hộp. * Cho HS nhìn sách, hỏi: Đây là cái gì? * Đánh vần, đọc trơn: ô - pờ - ôp / hờ - ôp - hôp - nặng - hộp / hộp sữa.   \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ôm, ôp,** 2 tiếng mới học: **tôm, hộp.** | -HS đọc, phân tích, đánh vần  - Con tôm  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đọc, phân tích, đánh vần  - Hộp sữa  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS nói: **ôm, ôp, tôm, hộp** | |
| **3. Luyện tập** |  | |
| 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ôm?** Tiếng nào có vần **ôp?)**  * HS nhìn hình, đọc: *lốp xe, cốm, đốm lửa,...* * GV giải nghĩa: *cốm* (thóc nếp non rang chín, giã sạch vỏ, màu xanh, hương vị thơm ngon), *đồ gốm* (sản phẩm làm từ đất sét, đưa vào lò nung). * HS tìm tiếng có vần **ôm,** vần **ôp;** làm bài trong VBT. / 2 HS nói kết quả. * GV chỉ từng tiếng, cả lớp: *Tiếng lốp (xe) có vần ôp. Tiếng cốm có vần ôm,...*  1. **Tập viết** (bảng con - BT 4) 2. HS nhìn bảng đọc các vần, tiếng: **ôm, ôp, tôm, hộp sữa.** 3. Viết vần **ôm, ôp:** 1 HS nói cách viết vần **ôm. /** GV viết mẫu, hướng dần: viết **ô** trước, **m** sau; các con chữ **ô, m** đều cao 2 li; lưu ý viết **ô** và **m** không gần hay xa quá. / Làm tương tự với vần **ôp.**   HS viết bảng con: **ôm, ôp** (2 lần).   1. Viết tiếng: **tôm, hộp sữa** (như mục b)  * GV viết **tôm:** viết **t** trước (cao 3 li), vần **ôm** sau. * GV viết **hộp:** viết **h** cao 5 li, **p** cao 4 li, dấu nặng đặt dưới chữ **ô.** * HS viết bảng: **tôm, hộp** (sữa). * GV cùng HS nhận xét | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS làm vào vở BT  -Cả lớp nói  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con | |
| **Tiết 2** | | |
| **Tập đọc** (BT 3)  a/GV đưa bài đọc lên bảng lớp, giới thiệu: Bài có tên là *Chậm... như thỏ.* Có đúng là thỏ rất chậm không? Câu chuyện *Thỏ thua rùa* các em đã học cho thấy: Thỏ phi nhanh như gió, rùa thì bò rất chậm chạp, vất vả. Nhưng thỏ vẫn thua rùa vì thỏ chủ quan, kiêu ngạo, chứ không phải vì thỏ chậm. Người ta thường nói “chậm như rùa”, không ai nói “chậm như thỏ”. Nhưng bài vè này nói ngược lại với sự thật: *Chậm như thỏ /Lẹ như rùa.* Cách nói ngược làm bài vè trở nên thú vị.  b/GV đọc bài: giọng vui, chậm rãi; vừa đọc (2 dòng thơ một), vừa chỉ vào hình ảnh từng con vật, sự vật; kết hợp giải nghĩa từ, giúp HS hiếu cách nói ngược:  -“Chó thì mổ mổ / Gà thì liếm la”. *Liếm la:* là liếm. Sự thực thì gà có *liếm la* không? (GV chỉ hình trong SGK). Gà không liếm mà *mổ mổ* thức ăn. Chó mới *liếm* thức ăn.   * “Dữ như quả na / Nhu mì gã cọp”. *Nhu mì* là *hiền (Hiền như gã cọp). Gã cọp* - anh cọp. Sự thực thì cọp rất dữ tợn. Còn quả na rất hiền, mềm mại, thom ngon. * “Cò thì phốp pháp / Bò thì ốm o”. *Phốp pháp:* to béo. Sự thực thì cò chân dài, gầy, trông ốm o. Lợn, bò mới to béo, phốp pháp.   **-** “Cá thì la to / Im như trẻ nhỏ”. Cá bơi trong nước, không thể la to. Trẻ em mới la to.   * “Chậm như cô thỏ / Lẹ như cụ rùa”. *Lẹ:* là nhanh. Cụ rùa bò rất chậm chạp. Thỏ phi rất nhanh.  1. Luyện đọc từ ngữ (vài lượt): **mổ mổ, liếm la, nhu mì, gã cọp, phốp pháp, ốm o, la to, chậm, lẹ.** 2. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 10 dòng thơ. * (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ 2 dòng thơ một cho 1 HS đọc, cả lớp đọc. * Đọc tiếp nối 2 dòng thơ một (mỗi cá nhân / mồi cặp HS đều đọc 2 dòng thơ).  1. Thi đọc đoạn, bài: Từng cặp HS luyện đọc trước khi thi.  * Từng cặp / tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 dòng / 6 dòng). * Từng cặp / tổ thi đọc cả bài. /1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc đồng thanh.   g) Tìm hiểu bài đọc  gl. Nói ngược (như SGK)  GV đưa nội dung BT lên bảng lớp; nêu YC: Trong bài vè, 2 dòng thơ tạo thành một  cặp, có nội dung trái ngược nhau, trái ngược với thực tế. GV chỉ từng dòng, đọc 2 chữ đầu câu, cả lớp nói tiếp để hoàn thành các câu **nói ngược.** | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS đọc vỡ  - Đọc nối tiếp câu  -HS thi đọc  -HS thực hiện |
| g2. Nói đúng thực tế  - GV đọc 2 dòng thơ đầu, sau đó hỏi: Nói đúng sự thật thì phải thế nào?  -GV nhận xét  - HS đọc lại bài tập đọc | | -HS nói |
| **4/Vận dụng: Thi đố vui** | | |